

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Thanh Trà

- Ông Nguyễn Văn Sanh

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Quỳnh Trang, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm V, xã P, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ngọc T kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Hà Nội. Đến năm 2013, ông C và bà T chuyển về ở tại chung cư X, đường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, ông C cho rằng giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không phù hợp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ cuối năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay, ông C cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, và mong muốn được Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông C xác định ông và bà T không có con chung.
- Về tài sản chung: Ông C xác định ông và bà T không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Ông C xác định ông và bà T không có nợ chung.

Bà Phạm Thị Ngọc T thừa nhận trình bày của ông Nguyễn Văn C về thời gian và điều kiện kết hôn, cũng như tình trạng hôn nhân của ông bà. Bà đồng ý ly hôn với ông C. Lời trình bày của bà T về con chung, tài sản chung và nợ chung hoàn toàn thống nhất với nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của ông C.

Kết quả xác minh tại tổ dân phố Y, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng, nơi ông C và bà T đã chung sống xác định được ông bà đã sống chung từ năm 2013 đến năm 2018 thì ông C về quê ở Nam Định, bà T về sống tại đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quá trình ở tại tổ dân phố Y, vợ chồng ông bà có mâu thuẫn, tuy nhiên không gây mất trật tự khu phố. Giữa ông C và bà T không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung của ông bà, địa phương không xác định được.

Kết quả xác minh tại tổ dân phố I, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng xác định hiện nay bà Trình đang sống một mình tại địa chỉ đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Phạm Thị Ngọc T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 1, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ngọc T kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà T thì thấy, quá trình chung sống ông C và bà T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Khi mâu thuẫn không thể khắc phục, từ cuối năm 2018 ông bà đã thống nhất sống ly thân. Ông C về quê ở tại xóm V, xã P, huyện H, tỉnh Nam Định; bà T ở tại đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Sau khi ông C nộp đơn ly hôn, quá trình Tòa án giải quyết vụ việc bà T cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của ông C. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà T đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ngọc T đều thống nhất xác định không có con chung nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ngọc T đều xác định không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ngọc T xác định không có nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông C phải chịu: 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với bà Phạm Thị Ngọc T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc T.

2. Về quan hệ con chung: Các bên đương sự xác định không có con chung nên HĐXX không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự xác định không có tài sản chung nên HĐXX không giải quyết.

4. Về nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nợ chung nên HĐXX không giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ ông Nguyễn Văn C phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ ông C đã nộp theo biên lai thu số 7103 ngày 15/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Hòa Thuận Đông (Số đk 112, ngày 22/11/2006);
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy